

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In re the marriage of:
Về việc hôn nhân của:

Petitioner (person who started this case):
Nguyên Đơn (người đã khởi đầu vụ án này):

And Respondent (other spouse):
Và Bị Đơn (vợ/chồng còn lại):

No. _____
Số _____

Response to Petition about a Marriage
Phản hồi Đơn Xin Thỉnh Cầu về Hôn Nhân

(RSP)
(RSP)

Revocation of Joinder (RSPRV)
Hủy Bỏ Sự Tham Gia (RSPRV)

Response to Petition about a Marriage
Phản hồi Đơn Xin Thỉnh Cầu về Hôn Nhân

Use this form to respond to a Petition for Divorce, Petition for Legal Separation, or Petition to Invalidate (Annul) Marriage.
Sử dụng mẫu đơn này để phản hồi Đơn Xin Ly Hôn, Đơn Xin Ly Thân Hợp Pháp hoặc Đơn Xin Hủy Bỏ Hôn Nhân
(Tiêu Hôn).

1. Your response
Phản hồi của quý vị

Revocation of Joinder: I previously signed an *Agreement to Join Petition* (Joinder) in this case and I am **no** longer in agreement so I am filing this *Response*. (Check *Revocation of Joinder* box above.)

Hủy Bỏ Sự Tham Gia: Trước đây tôi đã ký *Thỏa Thuận Tham Gia Đơn Xin* trong vụ án này và tôi **không** còn đồng ý nữa nên tôi sẽ trình nộp *Phản Hồi* này. (Đánh dấu vào ô *Hủy Bỏ Sự Tham Gia* trên đây.)

Look at each section of the *Petition*. Check below to say if you agree or disagree with what the other party said in each section, or say if you don't know because you don't have enough information. (If you disagree with any part of a section, check "I disagree."). List your reasons for disagreeing on page 2.

Xem từng phần của *Đơn Xin*. Đánh dấu dưới đây để biết quý vị đồng ý hay không đồng ý với những gì bên còn lại nói ở mỗi phần, hoặc nói rằng quý vị không biết bởi vì quý vị chưa có đủ thông tin. (Nếu quý vị không đồng ý với bất kỳ phần nào của một mục, hãy đánh dấu vào "Tôi không đồng ý."). Liệt kê các lý do không đồng ý của quý vị ở trang 2.

Section in the Petition Mục trong Đơn Xin	Your response (check one): Phản hồi của quý vị (đánh dấu một mục):		
1. Information about the parties <i>Thông tin về các bên</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
2. Information about the marriage <i>Thông tin về hôn nhân</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
3. Jurisdiction over the spouses <i>Thẩm quyền đối với vợ chồng</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
4. Request... <i>Yêu cầu...</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
5. Name Change <i>Đổi Tên</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
6. Written Agreements <i>Thỏa Thuận Bằng Văn Bản</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
7. Real Property (land or home) <i>Bất Động Sản (đất đai hoặc nhà cửa)</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
8. Personal Property (possessions, assets or business interests of any kind) <i>Tài Sản Cá Nhân (của cải, tài sản hoặc lợi ích kinh doanh dưới bất kỳ hình thức nào)</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
9. Debts <i>Các Khoản Nợ</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
10. Spousal Support (maintenance/alimony) <i>Cấp dưỡng vợ/chồng (tiền chu cấp/cấp dưỡng vợ sau khi ly hôn)</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
11. Fees and Costs <i>Phí và Chi Phí</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
12. Protection Order <i>Lệnh Bảo Vệ</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
13. Restraining Order <i>Lệnh Cấm</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
14. Is one of the spouses pregnant? <i>Một người trong hai vợ chồng đang mang thai?</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
15. Children of the marriage <i>Các con trong cuộc hôn nhân</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết

Section in the Petition Mục trong Đơn Xin	Your response (check one): Phản hồi của quý vị (đánh dấu một mục):		
15.a. Children's home/s (Các) nhà của các con	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
15.b. Other people with a legal right to spend time with a child Những người khác có quyền hợp pháp dành thời gian cho con	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
15.c. Other court cases involving a child Các vụ án khác liên quan đến con	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
16. Jurisdiction over the children Thẩm quyền đối với các con	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
17. Parenting Plan Kế Hoạch Nuôi Dưỡng Con	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
18. Child Support Cấp Dưỡng Con	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
19. Children from other relationships Con từ các mối quan hệ khác	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
20. Other requests, if any Các yêu cầu khác, nếu có	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết

If you checked "I Disagree" for any of the sections, list your reasons here:
Nếu quý vị đã đánh dấu vào "Tôi Không Đồng Ý" đối với bất kỳ mục nào, hãy liệt kê các lý do của quý vị ở đây:

Section #: ___ Reasons: _____
Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____
Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____
Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____
Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____

Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____

Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____

Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____

Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____

Mục #: [-] Lý do: _____

Section #: ___ Reasons: _____

Mục #: [-] Lý do: _____

If you need more space, you may add more pages to this Response. Number, date, and sign each page that you add.

Nếu quý vị cần thêm chỗ trống, quý vị có thể thêm giấy vào Phản Hồi này. Số, ngày và ký mỗi trang mà quý vị thêm vào.

2. Protection Order
Lệnh Bảo Vệ

*Do you want the court to issue a Protection Order as part of the final orders in this case?
Quý vị có muốn tòa án ban hành Lệnh Bảo vệ như một phần của lệnh cuối cùng trong vụ án này không?*

No (Skip to 3.)

Không (Chuyển đến 3.)

Yes (You must file a Petition for Protection Order, form P 001. You may file your Petition for Protection Order using the same case number assigned to this case.)

Có (Quý vị phải nộp Đơn Xin Lệnh Bảo Vệ, mẫu đơn P 001. Quý vị có thể nộp Đơn Xin Lệnh Bảo Vệ bằng cách sử dụng cùng số hồ sơ được chỉ định cho vụ án này.)

Important! If you need protection **now**, ask the court clerk about getting a Temporary Protection Order.
Quan Trọng! Nếu quý vị cần được bảo vệ **ngay bây giờ**, hãy yêu cầu lục sự tòa án về việc xin Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời.

- There already is a Protection Order between my spouse and me.**
Đã có một Lệnh Bảo Vệ giữa tôi và vợ/chồng tôi.

Court that issued the order: _____
Tòa án đã ban hành lệnh: _____

Case number: _____
Vụ án số: _____

Expiration date: _____
Ngày hết hạn: _____

3. Restraining Order
Lệnh Cấm

Do you want the court to issue a Restraining Order as part of the final orders in this case?

Quý vị có muốn tòa án ban hành Lệnh Cấm như một phần của lệnh cuối cùng trong vụ án này không?

- No (Skip to 4.)**
Không (Chuyển đến 4.)

- Yes (Check the type of orders you want):**
Có (Đánh dấu vào hình thức các lệnh mà quý vị muốn):

- Do not disturb** – Order the Petitioner not to disturb my peace or the peace of any child listed in the *Petition*.

Không làm phiền – Lệnh cho Nguyên Đơn không làm phiền sự yên bình của tôi hoặc sự yên bình của bất kỳ trẻ em nào được liệt kê trong Đơn Xin.

- Stay away** – Order the Petitioner not to go onto the grounds of or enter my home, workplace, vehicle, or school, and the daycare or school of any child listed in *Petition*.

Tránh xa – Lệnh cho Nguyên Đơn không đi vào khuôn viên hoặc vào nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của tôi hoặc nhà trẻ hay trường học của bất kỳ trẻ nào được liệt kê trong Đơn Xin.

- Also, not knowingly to go or stay within _____ feet of my home, workplace, vehicle, or school, or the daycare or school of any child listed in *Petition*.
Ngoài ra, không cố ý đi vào hoặc ở trong phạm vi [-] feet từ nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của tôi hoặc nhà trẻ hay trường học của bất kỳ trẻ nào được trong Đơn Xin.

- Do not hurt or threaten** – Order the Petitioner:

Không làm tổn thương hoặc đe dọa – Lệnh cho Nguyên Đơn:

- Not to assault, harass, stalk, or molest me or any child listed in the *Petition*;
and
Không tấn công, quấy rối, lén theo hoặc làm phiền tôi hoặc bất kỳ trẻ nào được liệt kê trong Đơn Xin; và

- Not to use, try to use, or threaten to use physical force against me or the children that would reasonably be expected to cause bodily injury.
Không sử dụng, cố sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với tôi hoặc trẻ em có khả năng gây tổn thương cơ thể một cách hợp lý.

Warning! If the court makes this order, the court must consider if weapons restrictions are required by state law; federal law may also prohibit the Restrained Person from possessing firearms or ammunition.

Cảnh Báo! Nếu tòa án đưa ra lệnh này, tòa án phải xem xét liệu luật tiểu bang có yêu cầu ngăn cấm vũ khí hay không; luật liên bang cũng có thể cấm Người Bị Ngăn Cấm sở hữu súng hoặc đạn dược.

- Prohibit weapons and order surrender** – Order the Petitioner:
Nghiêm cấm vũ khí và ra lệnh giao nộp – Lệnh cho Nguyên Đơn:

- Not to access, possess, or obtain any firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses until the Order ends, **and**
Không được tiếp cận, sở hữu hoặc lấy bất kỳ loại súng, vũ khí nguy hiểm nào khác hoặc giấy phép sử dụng súng được giấu kín cho đến khi Lệnh chấm dứt, và
- To immediately surrender any firearms, other dangerous weapons, and any concealed pistol licenses that they have in their custody, control, or possession to (check one): the police chief or sheriff their lawyer other person (name): _____.
Giao nộp ngay lập tức bất kỳ loại súng, vũ khí nguy hiểm nào khác và bất kỳ giấy phép sử dụng súng được giấu kín nào mà họ quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu cho (đánh dấu một mục): [-] đội trưởng cảnh sát hoặc cảnh sát trưởng [-] luật sư của họ [-] người khác (tên):

- Other restraining orders:** _____
Các lệnh cấm khác:

Important! If you want a restraining order **now**, you must file a Motion for Temporary Family Law Order and Restraining Order (FL Divorce 223) or a Motion for Immediate Restraining Order (Ex Parte) (FL Divorce 221).
Quan Trọng! Nếu quý vị muốn có lệnh cấm **ngay bây giờ**, quý vị phải nộp Kiến Nghị Xin Lệnh Cấm và Lệnh Tạm Thời về Luật Gia Đình (FL Ly hôn 223) hoặc Kiến Nghị Xin Lệnh Cấm Ngay Lập Tức (Một Bên) (FL Ly hôn 221).

4. Requests Yêu Cầu

I ask the court to approve the following order about my marriage (check one):
Tôi yêu cầu tòa án chấp thuận lệnh sau đây về hôn nhân của tôi (đánh dấu một mục):

- Final Divorce Order (Dissolution Decree). The marriage is irretrievably broken.*
Lệnh Ly Hôn Cuối Cùng (Lệnh Chấm Dứt Hôn Nhân). Hôn nhân này đã tan vỡ không thể cứu vãn.
- Final Legal Separation Order*
Lệnh Ly Thân Hợp Pháp Cuối Cùng
- Invalid Marriage Order (Annulment Decree)*
Lệnh Hủy Bỏ Hôn Nhân (Lệnh Tiêu Hôn)
- Valid Marriage Order (Decree)*
Lệnh Hôn Nhận Hợp Lệ (Lệnh)

I also ask the court to (check all that apply):

Tôi cũng yêu cầu tòa án (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- change the Respondent's name to: _____
đổi tên của Bị Đơn thành:
- | <i>First</i> | <i>Middle</i> | <i>Last</i> |
|--------------|----------------|-------------|
| <i>Tên</i> | <i>Tên lót</i> | <i>Họ</i> |
- approve the separation contract.
chấp thuận hợp đồng phân chia.
- divide the property and debts as requested above (or fairly and equitably if no specific request is made).
phân chia tài sản và các khoản nợ theo yêu cầu trên đây (hoặc công bằng và không thiên vị nếu không thực hiện yêu cầu cụ thể).
- order reasonable spousal support as requested above (or fairly and equitably if no specific request is made).
lệnh cấp dưỡng vợ/chồng hợp lý theo yêu cầu trên đây (hoặc công bằng và không thiên vị nếu không thực hiện yêu cầu cụ thể).
- order payment of lawyer fees, other professional fees, and costs for this case.
lệnh chi trả phí luật sư, các khoản phí chuyên nghiệp khác và chi phí cho vụ án này.
- approve a *Protection Order*.
chấp thuận một *Lệnh Bảo Vệ*.
- approve a *Restraining Order*.
chấp thuận một *Lệnh Cấm*.
- approve Respondent's proposed *Parenting Plan*.
chấp thuận Kế Hoạch Nuôi Dưỡng Con được đề nghị của Bị Đơn.
- approve a *Child Support Order*, according to the Washington State Child Support Schedule.
chấp thuận một *Lệnh Cấp Dưỡng Con*, theo *Lịch Trình Cấp Dưỡng Con Của Tiểu Bang Washington*.
- other (*specify*):
khác (nêu rõ):

Respondent fills out below:

Bị Đơn điền vào dưới đây:

I declare under penalty of perjury under the laws of the state of Washington that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true. I have attached (*number*): _____ pages.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong đơn này đều đúng sự thật. [-] Tôi đã đính kèm (số): [-] trang.

Signed at (*city and state*): _____ Date: _____

Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____ Ngày: _____

Respondent signs here
Bị Đơn ký ở đây

Print name
Viết in tên

I agree to accept legal papers for this case at (check one):
Tôi đồng ý nhận giấy tờ pháp lý cho vụ án này tại (đánh dấu một mục):

- my lawyer's address, listed below:
địa chỉ luật sư của tôi, được liệt kê dưới đây:
- Email (optional) – Respondent agrees to accept service of legal papers for this case by email at this address: _____
Email (không bắt buộc) – Bị Đơn đồng ý chấp nhận việc tổng đạt giấy tờ pháp lý cho vụ án này qua email theo địa chỉ này:
- the following address (this does **not** have to be your home address):
địa chỉ dưới đây (địa chỉ này **không** phải là địa chỉ nhà quý vị):

Street Address or PO Box Địa Chỉ Đường hoặc PO Box	City Thành Phố	State Tiểu Bang	Zip Mã Vùng
---	-------------------	--------------------	----------------

(If this address changes before the case ends, you **must** notify all parties and the court clerk in writing. You may use the Notice of Address Change form (FL All Family 120).)
(Nếu địa chỉ này thay đổi trước khi vụ án chấm dứt, quý vị **phải** thông báo cho tất cả các bên và lục sự tòa án bằng văn bản. Quý vị có thể sử dụng mẫu đơn Thông Báo Thay Đổi Địa Chỉ (FL Tất cả gia đình 120).)

Important! You must fill out and file a Confidential Information form (FL All Family 001) with the court clerk.
Quan Trọng! Quý vị phải điền vào và nộp mẫu đơn Thông Tin Bảo Mật (FL Tất cả gia đình 001) cho lục sự tòa án.

Lawyer (if any) fills out below:
Luật sư (nếu có) điền vào dưới đây:

Lawyer signs here
Luật sư ký ở đây

Print name and WSBA No.
Tên viết in và WSBA Số

Date
Ngày

Lawyer's address Địa chỉ của luật sư	City Thành Phố	State Tiểu Bang	Zip Mã Vùng
---	-------------------	--------------------	----------------

Email (if applicable): _____
Email (nếu có): _____